

Số: 1191 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Định mức chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án  
thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án đầu tư  
theo hình thức đối tác công tư**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 5/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

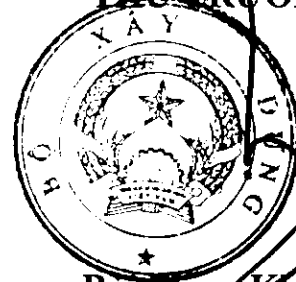
**Điều 1.** Công bố Định mức chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) kèm theo Quyết định này để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng vào việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của dự án thực hiện theo hình thức PPP.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .01../12/2017 và thay thế Quyết định số 1486/QĐ-BXD ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố Định mức chi phí Ban quản lý dự án của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án PPP. ✓

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng và các ban của Đảng;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, TCT Nhà nước;
- Các Sở XD;
- Công báo, Website CP, Website BXD;
- Lưu: VP, Cục KTXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bui Phạm Khánh**

# **ĐỊNH MỨC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ DỰ ÁN THUỘC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP**

*(Kèm theo Quyết định số 1191 /QĐ-BXD ngày 17 tháng 1 năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

## **I. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG**

1. Định mức chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư công bố tại Quyết định này (sau đây gọi là đơn vị quản lý dự án PPP) là cơ sở để xác định chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án PPP trong tổng mức đầu tư xây dựng. Chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án PPP là toàn bộ chi phí cần thiết để đơn vị quản lý dự án PPP thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn đề xuất dự án, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán hợp đồng dự án, giám sát hợp đồng dự án, quyết toán dự án hoàn thành theo nội dung công việc quản lý dự án tại mục III của Quyết định này.

2. Chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án PPP tính theo định mức công bố tại Quyết định này bao gồm tiền lương của cán bộ quản lý dự án; tiền công trả cho người lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp lương; tiền thưởng; phúc lợi tập thể; các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; kinh phí công đoàn, trích nộp khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân được hưởng lương từ dự án); ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý hệ thống thông tin công trình, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ quản lý dự án; thanh toán các dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng phẩm; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; tổ chức hội nghị có liên quan đến dự án; công tác phí; thuê mướn; sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ quản lý dự án; chi phí khác; không bao gồm thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

3. Chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án PPP trong tổng mức đầu tư xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) công bố tại Quyết định này nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được duyệt.

4. Chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án PPP các dự án trải dài theo tuyến trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên xác định theo định mức công bố tại Quyết định này và điều chỉnh với hệ số  $k = 1,1$ . Trường hợp dự án gồm các công trình riêng biệt được xây dựng trên địa bàn nhiều tỉnh khác nhau thì chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án PPP được xác định theo quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị trong dự toán của từng công trình được duyệt (không nhân với hệ số  $k = 1,1$ ).

5. Trường hợp dự án có quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị nằm trong khoảng giữa hai quy mô chi phí công bố tại Quyết định này thì định mức chi phí xác định theo công thức sau:

$$N_t = N_b - \frac{N_b - N_a}{G_b - G_a} \times (G_b - G_t) \quad (1)$$

*Trong đó:*

-  $N_t$ : Định mức chi phí theo quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cần tính; đơn vị tính: tỉ lệ %;

-  $G_t$ : Quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;

-  $G_a$ : Quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cận dưới quy mô chi phí cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;

-  $G_b$ : Quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cận trên quy mô chi phí cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;

-  $N_a$ : Định mức chi phí tương ứng với  $G_a$ ; đơn vị tính: tỉ lệ %;

-  $N_b$ : Định mức chi phí tương ứng với  $G_b$ ; đơn vị tính: tỉ lệ %;

6. Trường hợp áp dụng định mức chi phí theo quy định tại Quyết định này không phù hợp hoặc dự án có quy mô chi phí (chi phí xây dựng và chi phí thiết bị) lớn hơn quy mô chi phí theo hướng dẫn tại Quyết định này thì lập dự toán để xác định chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án PPP.

7. Việc quản lý sử dụng chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án PPP theo quy định của Bộ Tài chính.

8. Chi phí chuẩn bị dự án và kinh phí hoạt động của các Bộ, ngành, ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**II. BẢNG ĐỊNH MỨC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ DỰ ÁN THUỘC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP**

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế GTGT) (tỷ đồng)							
		≤50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	10.000
1	Công trình dân dụng	1,113	0,764	0,714	0,573	0,469	0,404	0,202	0,145
2	Công trình công nghiệp	1,178	0,809	0,756	0,607	0,497	0,428	0,214	0,154
3	Công trình giao thông	1,001	0,688	0,643	0,516	0,445	0,385	0,178	0,131
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1,065	0,731	0,684	0,549	0,450	0,388	0,193	0,139
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,945	0,649	0,606	0,487	0,398	0,343	0,172	0,123

**III. NỘI DUNG CÔNG VIỆC THỰC HIỆN QUẢN LÝ DỰ ÁN CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ DỰ ÁN THUỘC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP**

1. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án. Tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và công bố dự án. Tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi trong trường hợp nhà đầu tư được giao lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

2. Hướng dẫn, phối hợp với nhà đầu tư tập hợp đầy đủ hồ sơ liên quan để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có) trong quá trình thực hiện dự án.

3. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bảo lãnh Chính phủ đối với dự án hoặc sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ thực hiện dự án.

4. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bên mời thầu theo quy định; lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

5. Tổ chức lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển (nếu có), hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu (bao gồm cả dự thảo hợp đồng dự án) trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

6. Thông báo mời sơ tuyển (nếu có), mời thầu nhà đầu tư; tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự sơ tuyển (nếu có), hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất theo quy định.

7. Tổ chức thực hiện đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

8. Dự thảo hợp đồng dự án, chuẩn bị kế hoạch và nội dung đàm phán hợp đồng dự án trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và gửi cho nhà đầu tư được chọn.

9. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đàm phán, lập biên bản xác nhận kết quả đàm phán các nội dung của hợp đồng dự án và các hợp đồng liên quan đến việc thực hiện dự án (nếu có) phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu.

10. Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án sau khi nhà đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đầu tư; hướng dẫn nhà đầu tư tập hợp và hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết phụ lục hợp đồng dự án (nếu có).

12. Kiểm tra kết quả lựa chọn nhà thầu (tư vấn, cung cấp hàng hóa, xây dựng) tham gia thực hiện dự án của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý nhằm đảm bảo tuân thủ yêu cầu của hợp đồng dự án, quy định của pháp luật về đấu thầu, các văn bản pháp luật có liên quan.

13. Kiểm tra, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của đơn vị thực hiện các gói thầu do nhà đầu tư tự thực hiện, báo cáo và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận trước khi triển khai.

14. Giám sát, kiểm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật do nhà đầu tư lập theo quy định hiện hành; kiểm tra, rà soát hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở để báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phục vụ công tác thẩm định thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định.

15. Phối hợp với nhà đầu tư và cơ quan liên quan trong các công tác giải phóng mặt bằng. Kiểm tra phương án và kinh phí giải phóng mặt bằng, xác định kế hoạch, nhu cầu sử dụng vốn giải phóng mặt bằng của dự án để được bố trí nguồn vốn thực hiện (trường hợp nhà nước hỗ trợ nguồn vốn giải phóng mặt bằng) hoặc để nhà đầu tư chuyển vốn giải phóng mặt bằng cho địa phương, đảm bảo đủ kinh phí để địa phương kịp thời chi trả theo phương án chi tiết giải phóng mặt bằng được duyệt.

16. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong việc thực hiện các yêu cầu về quy hoạch, mục tiêu, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng công trình, đảm bảo giao thông, tiến độ thực hiện dự án; công

tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và các vấn đề khác theo thỏa thuận trong hợp đồng dự án, theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan.

17. Tổ chức thực hiện kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, toàn bộ công trình xây dựng theo quy định.

18. Thực hiện công tác quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo quy định của hợp đồng dự án và pháp luật có liên quan. Chủ trì, phối hợp với nhà đầu tư và các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình và xử lý, khắc phục sự cố công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

19. Phối hợp với nhà đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng bao gồm:

a) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư đối với công tác nghiệm thu công trình xây dựng (công việc xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình, hạng mục công trình);

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng để đưa vào sử dụng theo quy định hiện hành.

20. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu để phục vụ cho công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng đối với công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định.

21. Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện trách nhiệm bảo hành, bảo trì công trình xây dựng của nhà đầu tư, nhà thầu theo quy định.

22. Kiểm tra, hướng dẫn nhà đầu tư lập hồ sơ quyết toán toàn bộ các nội dung chi phí theo thỏa thuận tại hợp đồng dự án và phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng. Sau khi có kết quả kiểm toán, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt quyết toán hoặc thỏa thuận quyết toán theo quy định.

23. Phối hợp với nhà đầu tư, địa phương để thanh toán vốn đầu tư của nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình dự án, công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

24. Tổ chức lập báo cáo quyết toán đối với phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư; trình cấp có thẩm quyền thẩm tra và phê duyệt để làm căn cứ quyết toán dự án hoàn thành.

25. Quyết toán chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư thực hiện quyết toán hợp đồng dự án.

26. Tổ chức thực hiện các công việc quản lý khác của dự án PPP.